

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 65/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20/10/2020.

V/v: **Ly hôn và tranh chấp về nuôi con.**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thành Thật.

2. Bà Lương Thị Hồng Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nghĩa – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 177/2020/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020, về việc: “**Ly hôn và tranh chấp về nuôi con**”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 62/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 08 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 52/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 29 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Thị H – sinh năm 1992, có mặt.

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

2. Bị đơn: Ông Danh Hoàng A - sinh năm 1991, vắng mặt.

Địa chỉ: ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11/6/2020, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn bà Thị H như sau: Bà kết hôn với ông Danh Hoàng A vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện G, tỉnh K vào ngày 26/9/2012.

Sau khi kết hôn, vợ chồng bà sống hạnh phúc được hơn 03 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chồng bà không quan tâm chăm sóc vợ con, ông Hoàng A thường hay nhậu nhẹt rồi đánh đập bà, từ tháng 7/2019 đến nay vợ chồng bà sống ly thân, từ đó cho đến nay vợ chồng bà ít liên lạc với nhau, ông Hoàng

A cũng không về thăm nom hay cấp dưỡng cho con, hiện nay bà không biết ông Hoàng A đang ở đâu. Sau thời gian mâu thuẫn và sống ly thân bà xét thấy cuộc sống hôn nhân không còn hàn gắn được, bà không còn tình cảm yêu thương ông Hoàng A nên bà yêu cầu tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Danh Hoàng A.

Thời gian chung sống với nhau vợ chồng bà có 01 người con chung tên Danh Thị Cẩm T – sinh ngày 18/6/2011.

Về tài sản chung: Vợ chồng bà không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà cam đoan vợ chồng bà không có nợ chung. Nếu sau khi vợ chồng bà ly hôn mà có người kiện vợ chồng bà đòi nợ chung thì bà hoàn toàn chịu trách nhiệm trả nợ chung theo quy định của pháp luật.

Nguyên vọng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà xin được ly hôn với ông Danh Hoàng A.

Về con chung: Bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu Danh Thị Cẩm T – sinh ngày 18/6/2011 và không yêu cầu ông Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Danh Hoàng A đã được Tòa án thông báo tìm ông trên phương tiện thông tin đại chúng và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú theo quy định của pháp luật nhưng ông Hoàng A không đến Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của ông Hoàng A.

Tại phiên tòa nguyên đơn bà Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Danh Hoàng A đồng thời bà yêu cầu được nuôi con chung là cháu Danh Thị Cẩm Tú – sinh ngày 18/6/2011 và không yêu cầu ông Hoàng A phải cấp dưỡng nuôi con, ngoài ra bà không yêu cầu gì thêm.

- Phát biểu của kiểm sát viên - đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang tại phiên tòa:

Về việc tuân thủ theo pháp luật về tố tụng: Quá trình tiến hành tố tụng, Tòa án đã tuân thủ các thủ tục về thụ lý vụ án, xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách đương sự, thẩm quyền giải quyết vụ kiện; Việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tổng đạt cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định; Thủ tục công khai chứng cứ và hòa giải đúng theo qui định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa là không tuân thủ quy định của pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của đương sự tại phiên tòa, đối chiếu với các quy định của pháp luật, Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử xử cho bà Thị H được ly hôn với ông Danh Hoàng A. Về con chung đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Danh Thị Cẩm T – sinh ngày 18/6/2011 cho bà H nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung đương sự không yêu cầu nên Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao không có đề nghị.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa bà Thị H và ông Danh Hoàng A là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ông Danh Hoàng A là bị đơn trong vụ án, ông Hoàng A có địa chỉ rõ ràng, đó cũng là nơi ông đăng ký hộ khẩu thường trú, hiện nay ông Danh Hoàng A vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa chỉ trên. Ngày 10/7/2020 Tòa án có làm việc với ông Lưu Tuấn Ph, giữ chức vụ Trưởng ấp A1, xã Đ, huyện G, tỉnh K, nơi ông Hoàng A đăng ký hộ khẩu thường trú để xác minh về hôn nhân của bà H và ông Hoàng A thì được ông Ph cung cấp thông tin rằng ông Danh Hoàng A hiện vẫn còn hộ khẩu thường trú ở địa phương, ông Hoàng A đã bỏ địa phương đi trên 06 tháng nay không trở về địa phương. Về mâu thuẫn vợ chồng thì ông không biết, ở địa phương ông Hoàng A và bà H không có tranh chấp về tài sản hay nợ nần với ai. Theo quy định tại Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Tòa án thụ lý giải quyết vụ kiện là đúng pháp luật. Tòa án đã thực hiện các thủ tục niêm yết công khai và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định tại Điều 179 và Điều 180 Bộ luật Tố tụng Dân sự nhưng ông Hoàng A vắng mặt tại phiên tòa 02 lần không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt ông Danh Hoàng A theo quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2]. Về hôn nhân: Bà Thị H và ông Danh Hoàng A kết hôn với nhau vào năm 2010, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Định An, huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 154, ngày 26/9/2012, như vậy Hội đồng xét xử xác định hôn nhân của bà H và ông Hoàng A là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[3]. Xét về quan hệ hôn nhân cho thấy: Tuy hôn nhân của bà H và ông Hoàng A là hôn nhân tự nguyện nhưng trong quá trình sống chung vợ chồng ông bà đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không tự giải quyết được. Bà H cho rằng vợ chồng bà không hợp nhau vì ông Hoàng A không quan tâm chăm sóc vợ con, ông Hoàng A thường hay nhậu say về nhà đánh đập bà, từ tháng 7/2019 vợ chồng bà sống ly thân cho đến nay và ít liên lạc với nhau, bà không biết ông Hoàng A hiện đang ở đâu. Ngày 18/8/2020 và ngày 07/9/2020, Tòa án đã tổ chức hòa giải để động viên, giải thích giúp vợ chồng ông bà đoàn tụ nhưng ông Hoàng A không có mặt tại Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay yêu cầu gì của ông Hoàng A. Xét thấy, vợ chồng bà H và ông Hoàng A đã sống ly thân với nhau từ tháng 7 năm 2019 đến nay, ông Hoàng A không về nhà thăm nom hay cấp dưỡng cho con, cho thấy ông Hoàng A không còn quan tâm gì đến mẹ con bà H, hiện nay bà không biết ông Hoàng A ở đâu cho thấy mục đích hôn nhân của ông bà không đạt được. Tại phiên tòa, bà H cương quyết xin ly hôn với ông Hoàng A và tỏ rõ thái độ không còn tình cảm yêu thương ông Hoàng A, vì vậy áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H.

[4]. Về con chung: Bà H và ông Hoàng A có con 01 người con chung tên Danh Thị Cẩm T – sinh ngày 18/6/2011, hiện bà H đang chịu trách nhiệm nuôi dưỡng. Nay bà H xin nuôi con chung, cháu Cẩm T cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Ông Hoàng A không nuôi con và không có ý kiến gì về quyền nuôi con nên căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin nuôi con chung của bà H.

[5]. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[6]. Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu nên HĐXX không xem xét.

[7] Tại phiên tòa, sau khi nghe lời trình bày của nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát có đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8]. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí. Bà Thị H phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 0005008, ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Áp dụng Điều 28, 35, 39, 147, 227 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Áp dụng Điều 5 và Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Áp dụng Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà **Thị H**.

Về hôn nhân: Xử cho bà **Thị H** và ông **Danh Hoàng A** được ly hôn với nhau.

Về con chung: Giao cháu **Danh Thị Cẩm T** – sinh ngày 18/6/2011 cho bà **H** nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông **Hoàng A** không phải cấp dưỡng nuôi con nhưng ông được quyền đến thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Không ai được ngăn cản ông thực hiện quyền này.

Các đương sự được quyền xin thay đổi người nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: HĐXX miễn xét.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà **Thị H** phải chịu nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí trước đây theo biên lai thu số 000**5008**, ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

**TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKS Gò Quao;
- Chi cục THA;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Phan Thị Thùy Trang